

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 1 năm 2013

Tháng 4 năm 2013

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6-14

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.747.383.954	16.149.325.808
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	194.159.727	85.192.490
1. Tiền	111		194.159.727	85.192.490
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	-	-
III. Các khoản phải thu	130		3.404.590.909	3.315.500.000
1. Phải thu khách hàng	131		2.155.351.362	2.066.260.453
2. Trả trước cho người bán	132		2.465.347.894	2.465.347.894
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	363.273.090	363.273.090
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.579.381.437)	(1.579.381.437)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.148.633.318	12.748.633.318
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		33.633.318	33.633.318
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	12.115.000.000	12.715.000.000
B – TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.653.760.897	10.534.707.926
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.216.708.248	6.994.694.286
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	272.178.359	318.522.509
- Nguyên giá	222		1.608.936.854	1.608.936.854
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.336.758.495)	(1.290.414.345)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	-	-
- Nguyên giá	228		130.909.127	130.909.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130.909.127)	(130.909.127)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	6.944.529.889	6.676.171.777
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.464.000.000	2.464.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.300.000.000	3.300.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(836.000.000)	(836.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		973.052.649	1.076.013.640
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	973.052.649	1.076.013.640
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		26.401.144.851	26.684.033.734


 CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM
 CHỖ ĐÓNG CHỮ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Mẫu B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.516.403.130	8.604.123.655
I. Nợ ngắn hạn	310		8.516.403.130	8.604.123.655
2. Phải trả người bán	312		1.560.450.920	1.692.125.920
3. Người mua trả tiền trước	313		100.000.000	100.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	854.880.757	852.963.232
6. Chi phí phải trả	316		15.599.127	15.599.127
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	5.799.997.739	5.757.960.789
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		185.474.587	185.474.587
II. Nợ dài hạn	330		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		17.884.741.721	18.079.910.079
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.11	17.884.741.721	18.079.910.079
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.610.751.724	2.610.751.724
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		252.355.587	252.355.587
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(4.978.365.590)	(4.783.197.232)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		26.401.144.851	26.684.033.734



Nguyễn Thế Sơn
Phó tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 04 năm 2013

Trần Thị Mai
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Mẫu B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	6.1	89.810.909	167.248.986
3. Doanh thu thuần về BH & cung cấp DV	10	6.1	89.810.909	167.248.986
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	30.650.000	138.880.000
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	20		59.160.909	28.368.986
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.300	112.559.900
7. Chi phí tài chính	22	6.4	171.000	176.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		253.457.186	604.169.633
10. Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		(194.462.977)	(463.416.747)
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		705.381	-
13. Lợi nhuận khác	40		(705.381)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(195.168.358)	(463.416.747)
15. Chi phí thuế TNDN	51	6.5		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		(195.168.358)	(463.416.747)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	(98)	(232)



Nguyễn Thế Sơn
 Phó tổng Giám đốc
 Ngày 15 tháng 04 năm 2013

Trần Thị Mai
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Mẫu B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	724.300	4.023.077.884
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(151.140.007)	(3.183.360.930)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(339.740.675)	(2.380.972.570)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(16.650.083)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	600.000.000	2.324.595.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(880.681)	(3.317.185.129)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	108.962.937	(2.550.495.828)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(100.543.357)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.300	225.609.800
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.300	2.625.066.443
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	108.967.237	74.570.615
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	85.192.490	10.621.875
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	194.159.727	85.192.490



Nguyễn Thế Sơn
Phó tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 04 năm 2013

Trần Thị Mai

Trần Thị Mai
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004132 ngày 12 tháng 04 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 20 tháng 02 năm 2012, Công ty chuyển số đăng ký kinh doanh từ số 0103004132 sang số 0101476469, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 2.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 10 tháng 01 năm 2008, Ủy ban chứng khoán nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Công ty Cổ phần Sara Việt Nam đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải và hàng vải sợi may mặc;
- Sản xuất, buôn bán vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, tin học;
- Sản xuất phần mềm vi tính;
- Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Đào tạo, dạy nghề ngoại ngữ, tin học, kỹ thuật viên công nghệ thông tin, chuyên viên công nghệ thông tin, kế toán máy, cơ khí (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Tư vấn du học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Đại lý kinh doanh dịch vụ Internet;
- Dịch vụ quảng cáo trên mạng Internet;
- Lắp đặt mạng LAN, WAN;
- Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Dịch vụ cung cấp thông tin thị trường (Trừ loại thông tin Nhà nước cấm, dịch vụ điều tra);
- Cung cấp dịch vụ gia tăng trên mạng thông tin di động.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2011/TT - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Đồng thời, Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi được trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm được thực hiện phù hợp với các quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	5 - 08
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm hệ thống dự toán, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo TT228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt VND	192.921.784	83.253.466
Tiền gửi ngân hàng	1.237.943	1.939.024
Tổng cộng	194.159.727	85.192.490

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP đầu tư xây dựng Sara 425	363.273.090	363.273.090
Tổng cộng	363.273.090	363.273.090

3. Tài sản ngắn hạn khác

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	12.115.000.000	12.715.000.000
Cộng	12.115.000.000	12.715.000.000

4. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư ngày 01/01/2013	229.078.365	332.768.723	1.047.089.767	1.608.936.855
Mua trong kỳ				-
Thanh lý trong kỳ				-
Số dư ngày 31/03/2013	229.078.365	332.768.723	1.047.089.767	1.608.936.855
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ				
Số dư ngày 01/01/2013	229.078.365	272.609.827	788.726.153	1.290.414.345
Khấu hao trong kỳ	-	10.693.568	35.650.582	46.344.150
Giảm khác	-			-
Số dư ngày 31/03/2013	229.078.365	283.303.395	824.376.735	1.336.758.495
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2013	-	60.158.896	258.363.614	318.522.510
Tại ngày 31/03/2013	-	49.465.328	222.713.032	272.178.360

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 706.963.762 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Dự án Hà tây	3.533.284.796	3.264.926.684
Dự án Datacenter	3.386.455.680	3.386.455.680
Dự án Mobipayment	24.789.413	24.789.413
Tổng cộng	6.944.529.889	6.676.171.777

6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Góp vốn vào công ty Borsmi	3.300.000.000	3.300.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(836.000.000)	(836.000.000)
Tổng cộng	2.464.000.000	2.464.000.000

Theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 10 tháng 01 năm 2011, Công ty CP Sara Việt Nam mua 330.000 cổ phần của Công ty CP Borsmi (mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 đồng) với giá trị đầu tư là 3.300.000.000 đồng.

Tại ngày 31/12/2012, Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư của khoản đầu tư nói trên là 836.000.000 đồng.

7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ đang phân bổ	973.052.649	1.076.013.640
Tổng cộng	973.052.649	1.076.013.640

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT		
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	812.535.250	812.535.250
Thuế thu nhập cá nhân	42.345.507	40.427.982
Tổng cộng	854.880.757	852.963.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.938.000	1.938.000
Bảo hiểm xã hội	147.223.998	113.896.067
Bảo hiểm y tế	26.262.898	20.303.826
Bảo hiểm thất nghiệp	11.332.715	8.582.768
Công ty cổ phần tập đoàn Sara (*)	5.613.240.128	5.613.240.128
Tổng cộng	5.799.997.739	5.757.960.789

(*) Đây là khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 98/2011/HTKD về việc Hợp tác đầu tư, xây dựng, kinh doanh Dự án Xây dựng khu chức năng đô thị Sara tại Cầu Nối, xã Văn Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

10. Vốn chủ sở hữu

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư ngày 01/01/2012	20.000.000.000	2.451.589.036	243.413.863	565.503.233	23.260.506.132
Tăng vốn năm trước			-		-
Lỗi năm trước				(5.169.865.985)	(5.169.865.985)
Phân phối lợi nhuận	-	159.162.688	8.941.724	(178.834.480)	(10.730.068)
Số dư ngày 01/01/2013	20.000.000.000	2.610.751.724	252.355.587	(4.783.197.232)	18.079.910.079
Lỗi trong kỳ	-		-	(195.168.358)	(195.168.358)
Phân phối lợi nhuận trong kỳ		-	-	(720.000)	(720.000)
Số dư ngày 31/03/2013	20.000.000.000	2.610.751.724	252.355.587	(4.979.085.590)	17.884.021.721

b) Cổ phiếu

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông:	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu lưu hành là: 10.000 đồng		
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/ 1 cổ phần.		

11. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - bộ phận quản lý xây dựng, bộ phận quản lý hoạt động thiết kế website, phần mềm và bộ phận quản lý các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận quản lý xây dựng: chuyên quản lý các hoạt động liên quan đến lĩnh vực đầu tư xây dựng
 Bộ phận quản lý thiết kế website, phần mềm: chuyên quản lý các hoạt động về website, phần mềm.
 Bộ phận quản lý khác: chuyên quản lý các hoạt động đào tạo, đầu tư tài chính và các hoạt động khác...

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 1 Năm 2013 VND	Quý 1 Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.810.909	167.248.986
<u>Trong đó</u>		
Doanh thu hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN	89.810.909	4.388.986
Hoạt động khác	89.810.909	4.388.986
Doanh thu xây dựng		
Doanh thu hoạt động được ưu đãi thuế TNDN	-	162.860.000
Dịch vụ thiết kế website, phần mềm		162.860.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.810.909	167.248.986

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 1 Năm 2013 VND	Quý 1 Năm 2012 VND
Giá vốn hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN	30.650.000	-
Hoạt động khác	30.650.000	
Giá vốn hoạt động được ưu đãi thuế TNDN	-	15.600.000
Dịch vụ thiết kế website, phần mềm		15.600.000
Tổng cộng	30.650.000	15.600.000

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1 Năm 2013 VND	Quý 1 Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.300	112.559.900
Tổng cộng	4.300	112.559.900

4. Chi phí tài chính

	Quý 1 Năm 2013 VND	Quý 1 Năm 2012 VND
Chi phí tài chính khác	171.000	176.000
Tổng cộng	171.000	176.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 1 Năm 2013	Quý 1 Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(195.168.358)	(463.416.747)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu	(195.168.358)	(463.416.747)
Cổ phiếu lưu hành bình quân	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(98)	(232)

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đến ngày 31/03/2013:

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
<u>Phải thu</u>	670.000.000	670.000.000
Công ty CP Bosrmi	670.000.000	670.000.000
<u>Phải trả</u>	5.613.240.128	5.613.240.128
Công ty CP tập đoàn Sara	5.613.240.128	5.613.240.128
<u>Đầu tư dài hạn khác</u>	3.300.000.000	3.300.000.000
Công ty CP Bosrmi	3.300.000.000	3.300.000.000



Nguyễn Thế Sơn
Phó tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 04 năm 2013

Trần Thị Mai
Kế toán trưởng